

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG**

**Để thực hiện dự án: Di dời, hoàn trả kênh mương và các công trình hạ tầng, kỹ thuật phục vụ công tác GPMB để thực hiện dự án: Đầu tư xây hạ tầng khu công nghiệp WHA Smart Technology - Thanh Hóa.( Đoạn qua địa phận xã Hoàng Giang).**

*(Kèm theo Quyết định số: 537 /QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang)*

STT	Tên chủ hộ	Địa chỉ thường trú (thôn/phường)	Bồi thường về đất	Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống
<b>I</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ cho các đối tượng</b>		<b>648,048,000</b>	<b>99,546,000</b>	<b>1,296,083,000</b>	<b>180,169,000</b>
1	Lê Thị Truyền	Sầm Sơn	3,942,000		7,884,000	
2	Nguyễn Thị Nhũ	Đông Khê	6,375,000	985,000	12,749,000	
3	Đoàn Hữu Bốn	Đông Khê	6,732,000	1,040,000	13,464,000	
4	Lê Thị Hiền	Đông Khê	3,383,000	523,000	6,765,000	
5	Đoàn Thị Bình	Đông Khê	14,905,000	2,304,000	29,810,000	
6	Đoàn Xuân Thắm (Xinh)	Đông Khê	42,251,000	6,530,000	84,502,000	17,159,000
7	Đoàn Văn Dương	Đông Khê	2,019,000	312,000	4,037,000	
8	Hoàng Minh Tuấn	Đông Khê	457,000	71,000	913,000	
9	Đoàn Văn Cần	Đông Khê	8,855,000	1,369,000	17,710,000	
10	Hoàng Đoàn Mâu	Đông Khê	35,365,000	5,466,000	70,730,000	34,318,000
11	Đoàn Văn Tài	Đông Khê	27,957,000	4,321,000	55,913,000	17,159,000
12	Đoàn Thị Lựu	Đông Khê	39,314,000	6,076,000	78,628,000	28,598,000

STT	Tên chủ hộ	Địa chỉ thường trú (thôn/phường)	Bồi thường về đất	Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống
13	Trịnh Thị Tho	Đông Khê	8,091,000	1,250,000	16,181,000	
14	Đoàn Thị Am	Đông Khê	42,015,000	6,493,000	84,029,000	22,879,000
15	Hoàng Đức Quế	Đông Khê	2,365,000	366,000	4,730,000	
16	Nguyễn Văn Đức	Đông Khê	2,976,000	460,000	5,951,000	
17	Đoàn Thanh Đức (Tinh)	Đông Khê	38,869,000	6,007,000	77,737,000	7,150,000
18	Nguyễn Thị Dô	Đông Khê	24,899,000	3,848,000	49,797,000	28,598,000
19	Nguyễn Văn Quang	Đông Khê	16,104,000	2,489,000	32,208,000	
20	Hoàng Thị Xởi	Đông Khê	6,325,000	978,000	12,650,000	
21	Lê Thị Cúc	Trọng Hậu	6,584,000	1,017,000	13,167,000	
22	Hà Văn Long	xã Hoàng Phú	184,575,000	28,525,000	369,149,000	
23	Vũ Thị Đáng	Trọng Hậu	39,809,000	6,152,000	79,618,000	2,860,000
24	Nguyễn Văn Mai	Trọng Hậu	38,115,000	5,891,000	76,230,000	11,439,000
25	Lê Văn Tầm	Trọng Hậu	45,766,000	7,073,000	91,531,000	10,009,000
<b>II</b>	<b>Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (3% x I):</b>					
<b>III</b>	<b>Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các đối tượng (I+II):</b>					

(Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn)